

CTCP Sam Holdings (HSX: SAM)

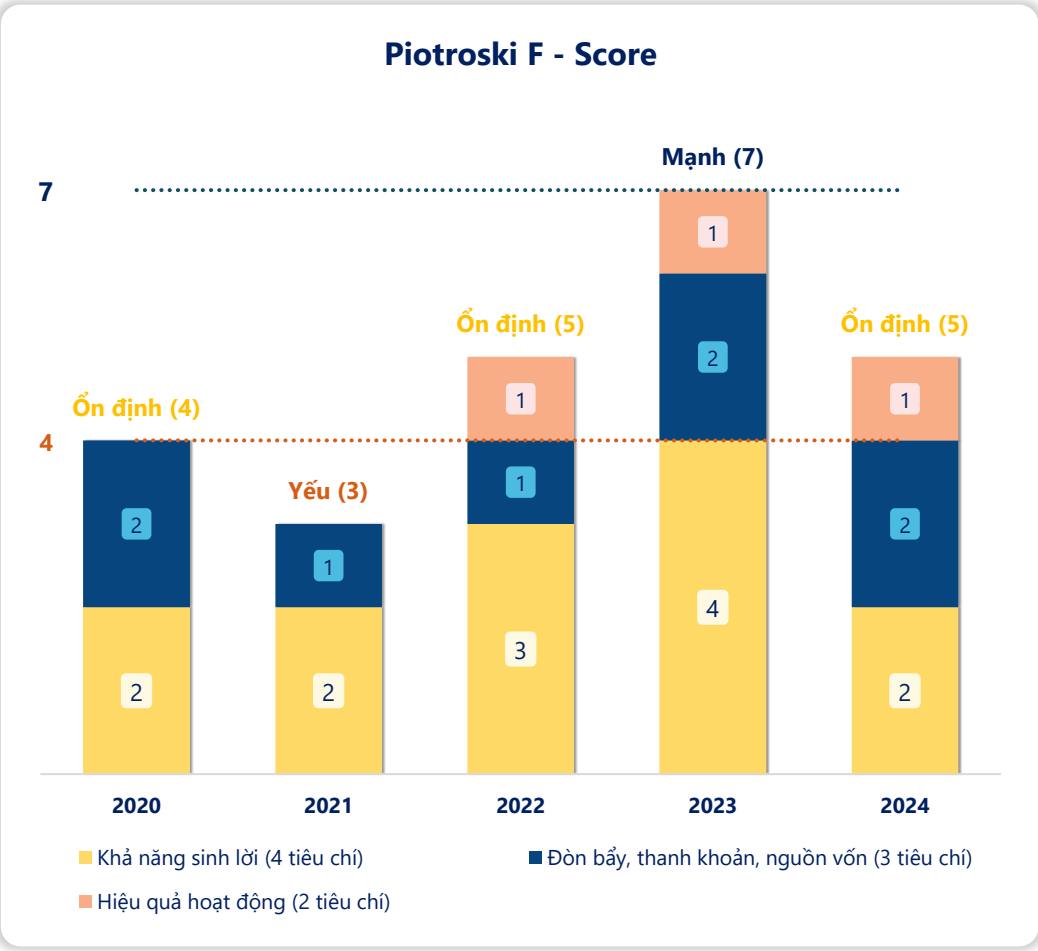
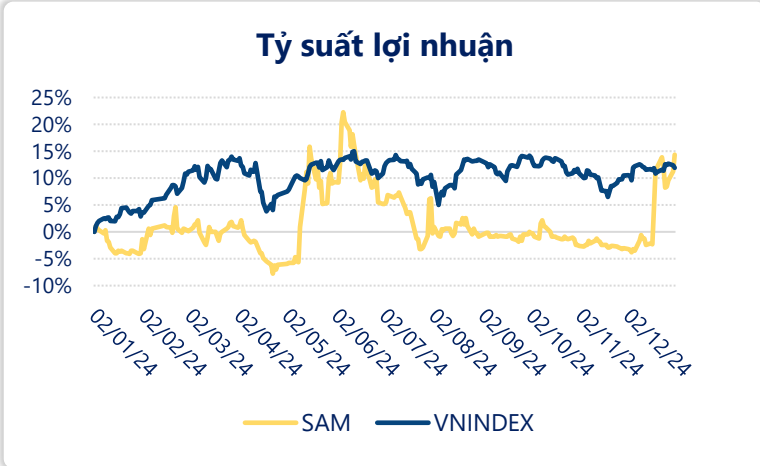
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	7,500 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	18.9%	15.7%	7.4%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	5/9
2024	(Ổn định)

DT thuần	2024
4,038	YoY
tỷ VNĐ	▲ 1,838
	▲ 83.5%

LN sau thuế	2024
95.3	YoY
tỷ VNĐ	▲ 62.1
	▲ 187%

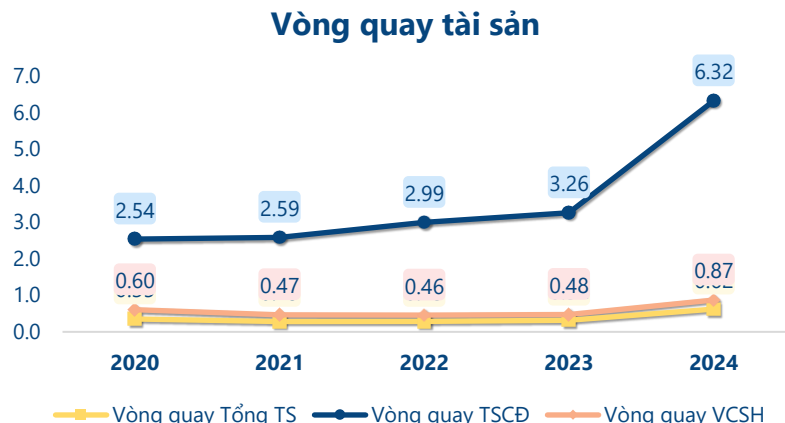
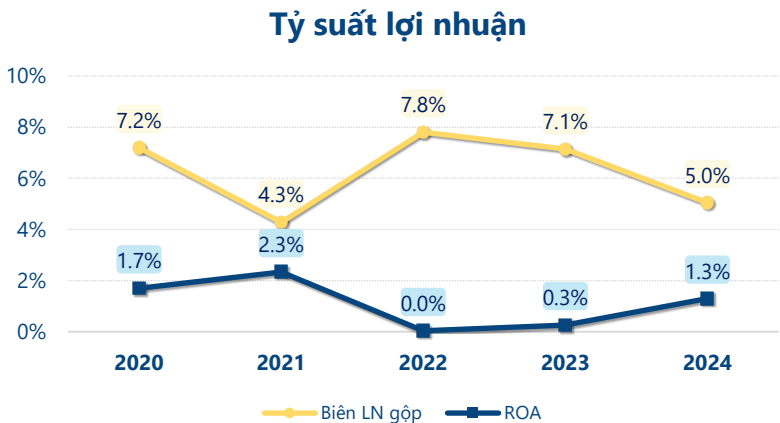
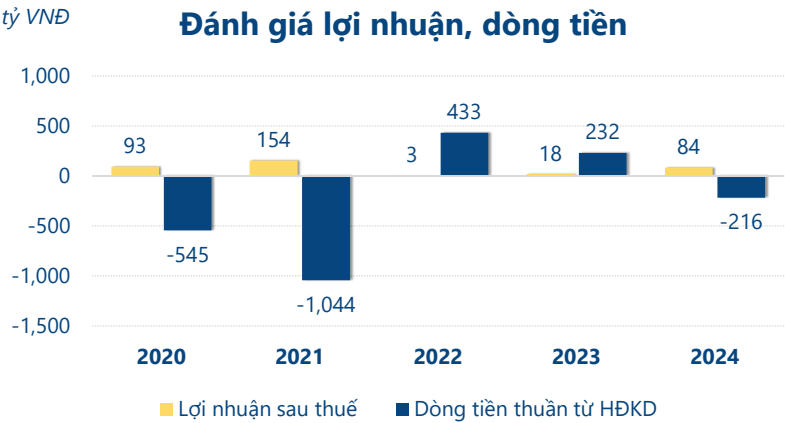


Năm 2024, F-Score của **SAM** đạt **5/9** thấp hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá xấu đi, thuộc vùng "**Ổn định**".

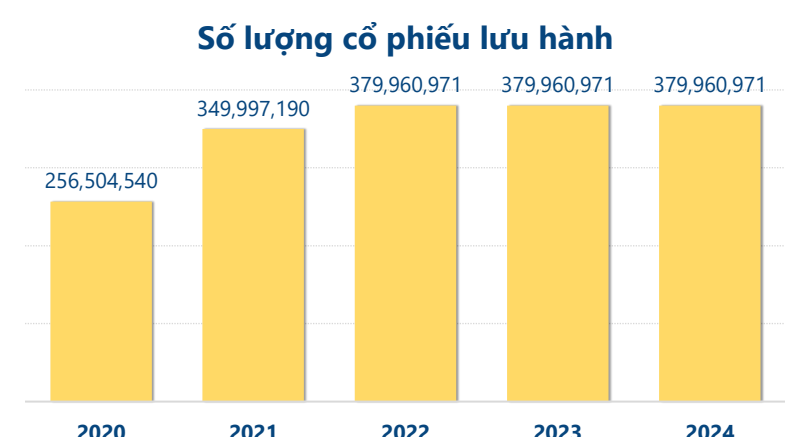
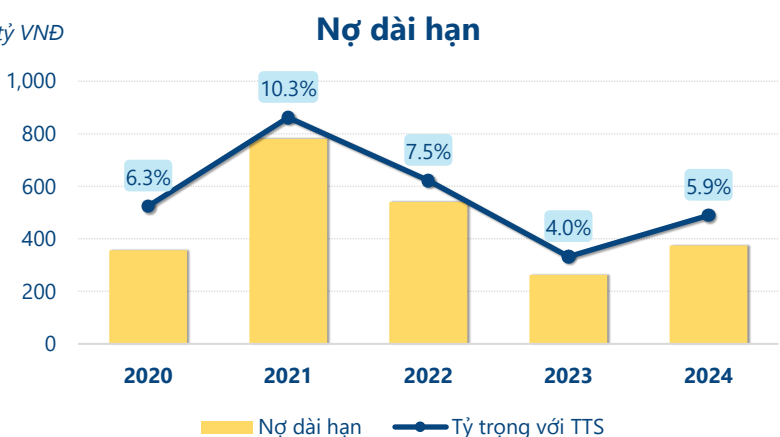
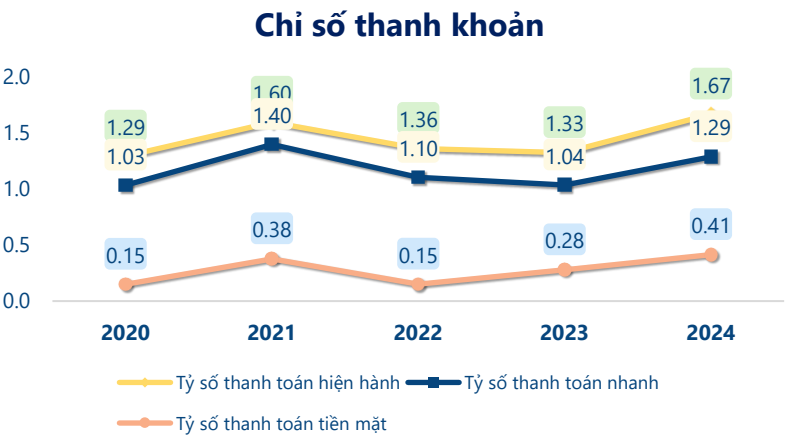
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn **2/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **2/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm **1/2** ở mức ổn định so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Sam Holdings (HSX: SAM)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **SAM**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	6,375	6,592	-3.3%
Tài sản ngắn hạn	2,204	2,284	-3.5%
Tiền và tương đương tiền	547	480	13.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.6	39.5	-25.1%
Phải thu ngắn hạn	1,076	1,224	-12.1%
Hàng tồn kho	503	497	1.0%
Tài sản ngắn hạn khác	48.8	42.3	15.4%
Tài sản dài hạn	4,171	4,308	-3.2%
Phải thu dài hạn	120	30.2	299%
Tài sản cố định	613	665	-7.8%
Bất động sản đầu tư	123	130	-5.6%
Tài sản dở dang	1,113	1,205	-7.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,128	2,198	-3.2%
Tài sản dài hạn khác	69.5	74.7	-7.0%
Lợi thế thương mại	4.70	5.48	-14.3%
Nợ phải trả	1,695	1,986	-14.6%
Nợ ngắn hạn	1,320	1,723	-23.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,037	1,048	-1.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	81.9	66.3	23.4%
Nợ dài hạn	375	263	42.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	185	111	66.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,680	4,606	1.6%
Vốn chủ sở hữu	4,680	4,606	1.6%
Vốn điều lệ	3,800	3,800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	1,919	1,889	2,109	2,200	4,038
Giá vốn hàng bán	1,781	1,808	1,944	2,043	3,835
Lợi nhuận gộp	138	80.8	165	157	204
Doanh thu HĐTC	163	362	355	130	127
Chi phí TC	-30.4	82.4	291	29.1	79.3
Chi phí lãi vay	28.1	43.8	90.5	78.4	62.6
LN trong công ty LKLD	-84.9	-30.5	-26.9	-53.3	23.9
Chi phí bán hàng	34.0	35.3	47.5	45.7	57.6
Chi phí QLDN	89.3	91.5	120	96.2	85.2
LN thuần từ HĐKD	124	204	34.3	62.5	133
Lợi nhuận khác	1.85	3.79	6.35	0.36	-22.4
LN trước thuế	125	207	40.6	62.9	111
Lợi nhuận sau thuế	101	160	7.15	33.2	95.3
LNST của CĐ cty mẹ	92.6	154	2.76	18.3	84.3

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-545	-1,044	433	232	-216
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	30.9	-246	-723	176	176
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	589	1,832	-212	-244	107
Tiền đầu kỳ	202	276	818	316	480
Lưu chuyển tiền thuần	74.5	542	-502	164	66.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.26	-0.25	-0.23	0.35
Tiền cuối kỳ	276	818	316	480	547